

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Nông Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phương Văn S, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phương Văn S chung sống vợ chồng từ năm 2003, đến ngày 18/10/2010 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có quan điểm, lối sống, tính cách khác biệt nhau, anh Phương Văn S có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị và anh Phương Văn S đã

ly thân từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay chị Nguyễn Thị T xét thấy quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phương Văn S. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phương Thị T, sinh ngày 08/4/2008 và cháu Phương Thế D, sinh ngày 21/02/2010, không yêu cầu anh Phương Văn S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị buôn bán thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh Phương Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Phương Văn S không có nợ ai.

Bị đơn anh Phương Văn S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống cùng nhau có tình cảm, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm ăn xa, không quan tâm được vợ con, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Về con chung, anh Phương Văn S nhất trí để hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Hiện nay anh không có việc làm, không có thu nhập. Về tài sản chung, anh và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Tại phiên tòa Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Phương Văn S, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Phương Văn S cấp dưỡng.

Anh Phương Văn S vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn, anh nhất trí. Về con chung anh nhất trí cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự ... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Phương Văn S có mâu thuẫn trầm

trọng, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin được ly hôn với anh Phương Văn S là có căn cứ. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phương Thị T, sinh ngày 08/4/2008 và cháu Phương Thế D, sinh ngày 21/02/2010. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh Phương Văn S nhất trí, nguyện vọng của các cháu được sinh sống cùng mẹ. Nên cần giao các con chung cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phương Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phương Văn S đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử, tuy nhiên anh Phương Văn S không có mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phương Văn S theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phương Văn S chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có cưới hỏi theo phong tục tập quán, ngày 18/10/2010 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Phương Văn S là hợp pháp. Sau khi về chung sống một thời gian hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm không còn nữa, anh Phương Văn S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019 anh Phương Văn S cũng xác định không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị T và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Phương Văn S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Phương Thị T, sinh ngày 08/4/2008 và cháu Phương Thế D, sinh ngày 21/02/2010. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con trưởng thành, không yêu cầu anh Phương Văn S cấp dưỡng nuôi con chung, anh Phương Văn S nhất trí. Xét thấy, bản thân chị Nguyễn Thị T có việc làm ổn định, có thu nhập (mỗi tháng thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng) đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2019 cháu Phương Thế D và cháu Phương Thị T đều có nguyện vọng được sinh sống với mẹ. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện nên giao con chung cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Phương Văn S phải có cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Anh Phương Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị T và anh Phương Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 25 tháng 3 năm 2019, chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05559 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phương Văn S.

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Phương Thị T, sinh ngày 08/4/2008 và cháu Phương Thế D, sinh ngày 21/02/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phương Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Anh Phương Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 25 tháng 3 năm 2019, chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05559 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND x.Y, h.L, t Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lương Thị Lan